

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 3 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Phan Thị Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn Th, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ dân phố Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn S trình bày:

Ông và bà Bùi Thị H kết hôn vào ngày 24/10/2023 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông và bà không sống chung cùng với nhau, nhà ai người đó ở chỉ thỉnh thoảng ông bà gặp nhau. Trong cuộc sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H ghen tuông vô cớ và đánh đập ông S, thỉnh thoảng bà H ra nhà ông quậy phá chửi bới ông, bà H còn đăng thông tin lên mạng xã hội hình ảnh của ông đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông. Hiện nay ông bà sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, tình cảm không còn nên ông làm đơn xin ly hôn bà Bùi Thị H.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bùi Thị H trình bày:

Bà và ông Phan Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2023 tại UBND xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà không sống chung cùng nhau mà sống tại nhà riêng của mỗi người, thỉnh thoảng qua lại với nhau. Ông S có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông S nhưng vẫn không có kết quả nên ông bà sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau đã hơn 03 tháng. Nay, ông S làm đơn xin ly hôn bà không đồng ý, nếu vợ chồng không sống chung được thì cứ sống ly thân.

Về con chung và tài sản chung: Ông Phan Văn S và bà Bùi Thị H thống nhất trình bày: Vợ chồng ông bà không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện ông Phan Văn S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với bà Bùi Thị H, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; bà H có nơi cư trú là tổ dân phố Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Ông Phan Văn S và bà Bùi Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ tH yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng do vợ chồng không có thấu hiểu được nhau, nghị kỵ, ghen tuông nhau nên đã phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện tại mỗi người sống ở mỗi nhà khác nhau, không còn nói chuyện với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông S mong muốn được ly hôn bà H, bà H tuy không đồng ý nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình hình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S là phù hợp với tình hình thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Ông Phan Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S, xử cho ông Phan Văn S được ly hôn bà Bùi Thị H. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Ông Phan Văn S phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002528 ngày 10 tháng 01 năm 2024. Ông S đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/3/2024).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bố Trạch;
 - Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Hải Phú
- (GCNKH số: 129, ngày 24/10/2023)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Tân

